| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 56/2020/DS-ST
Ngày: 10 - 6 -2020
V/v: đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa* : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1.Ông Nguyễn Chí Lin
2.Bà Trương Thị Kim Tiến

***-Thư ký phiên tòa***: Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 601/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp *" Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Ng đơn*:

1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947

1.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Ấp Nhơn Hòa 1, xã Đức Hòa Thượng,huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996

1.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh 1989

1.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Là những người thừa kế quyền khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Ng, anh Đ và anh L là ông Nguyễn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019 (có mặt).

*2.Bị đơn*: Bà Trương Xuân D, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa Ng đơn ông Nguyễn Văn H thừa kế quyền khởi kiện bà Nguyễn Hồng Ng và ông H đại diện cho những người thừa kế khác là ông Đ, ông L, ông Th và bà Ng trình bày:*

Bà Nguyễn Hồng Ng sinh năm 1966 chết ngày 22/7/2016 có chồng là ông (Nguyễn Văn H) có hai người con tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Hữu L, mẹ bà Ng là bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th. Lúc còn sống bà Ng có làm thảo hụi còn bà Trương Xuân D là hụi viên, bà D có tham gia các dây hụi như sau:

**1/** Hụi khui ngày 10/10/2015, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, bà D tham gia 03 phần. Ngày 10/10/2015 bà D hốt phần đầu tiên với số tiền là 40.500.000 đồng; ngày 10/02/2016 bà D hốt phần thứ 2 được 68.800.000 đồng; ngày 10/5/2016 bà D hốt phần thứ 3 là 74.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền hốt là **183.800.000** đồng. Bà D đã đã đóng được **118.910.000** đồng cụ thể kỳ 1 đóng 7 triệu, kỳ 2 đóng 11.980.000 đồng, kỳ 3 đóng 12 triệu đồng, kỳ 4 đóng 11.880.000 đồng, kỳ 5 đóng 8.500.000 đồng, ký 6 đóng 14.050.000 đồng, kỳ 7 đóng 13.500.000 đồng, kỳ 8 đóng 10 triệu đồng, kỳ 9 đóng 15triệu đồng, kỳ 10 đóng 15 triệu đồng (thì bà Ng chết). Do đó trong dây hụi này bà D còn thiếu 10 kỳ hụi chết mỗi kỳ 15.000.000 đồng x 10 = 150.000.000 đồng.

**2/** Hụi khui 10/3/2016, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà D tham gia 02 phần**.** Hốt ngày 10/6/2016 một phần với số tiền là **71.490.000** đồng. Trong đó bà Điệp đã đóng các kỳ như sau: kỳ 1: 7.200.000 đồng; kỳ 2: 7.000.000 đồng; kỳ 3: 7.500.000 đồng; kỳ 4: 3.470.000 đồng; kỳ 5: 7.800.000 đồng. Bà Điệp còn thiếu lại 16 kỳ hụi chết là 80.000.000 đồng – 20.000.000 đồng (hụi sống) thì bà D còn thiếu 60.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây bà D còn thiếu bà Ng là 210.000.000 đồng nhưng ông chỉ kiện bà D trả 135.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Trương Xuân D trình bày:* Bà thừa nhận có tham gia họp đồng góp hụi do bà Nguyễn Hồng Ng (vợ ông H đã chết) là thảo hụi các dây hụi như ông H nêu trên là đúng. Tuy nhiên sau khi bà Ng chết, ông H có họp hụi viên lại chốt hụi có làm giấy rõ ràng thì bà còn nợ bà Ng là 181.000.000 đồng trong đó bà Ng lúc còn sống có mượn bà và chị em của bà tên Điệp là 135.000.000 đồng

(trong đó phần của bà cho bà Ng mượn là 67.500.000 đồng), bà có trả thay nợ bà Tý dùm cho ông H là 25.000.000 đồng. Như vậy số tiền bà Ng mượn của bà 67.500.000 đồng + 25.000.000 đồng bà trả nợ bà Tý = 92.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền 181.000.000 đồng (nợ hụi chết) vào số tiền bà Ng mượn và bà đã trả nợ thay cho ông H đối với bà Tý là 92.500.000 đồng thì bà chỉ còn nợ ông H 88.500.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần là bà có tiền bao nhiêu thì trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ.

*Ng đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Xác định giữa ông và bà D có làm giấy chốt hụi và có thừa nhận bà Ng nợ bà D như bà D nêu là đúng; bà D có trả nợ bà Tý thay cho ông là đúng. Do đó ông rút lại một phần yêu cầu chỉ yêu cầu bà D trả 88.500.000 đồng và phải trả một lần không đồng ý cho bà D trả dần.

*Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu*:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn theo lời trình bày của ông H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: "*Đòi tài sản phát sinh từ Hợp đồng góp hụi"* vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các ông bà Th, H, Ng, Đ và L là những người thừa kế quyền đòi tài sản của bà Nguyễn Hồng Ng là phù hợp Điều 374 Bộ luật dân sự năm 2015. Các ông bà (Ng đơn) cho rằng bà Trương Xuân D xâm phạm quyền lợi của các ông bà nên các ông bà có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 BLTTDS.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong năm 2015, bà Trương Xuân D có tham gia Hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Hồng Ng (vợ ông H) đã chết ngày 22/7/2016 do bà Ng làm thảo hụi. Sau khi bà Ng chết giữa ông H và bà Trương Xuân D có ngồi lại chốt hụi. Tại phiên Tòa, ông H và bà D xác nhận bà D chỉ còn thiếu lại bà Ng do ông H, anh L, anh Đ, cụ Ng và cụ Th đại diện số tiền là: 88.500.000 đồng. Hội đồng xét xử công nhận đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

[3] Các vấn đề tranh chấp: Bà D xin trả dần là có tiền bao nhiên trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ nhưng không được ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử buộc bà D phải trả một lần số tiền 88.500.000 đồng.

[4]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ việc giai quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 271, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 471 và Điều 374, Điều 611, Điều 613, Điều 651, Điều 382 Bộ luật dân sự 2015;Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc "*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi* " với bà Trương Xuân D.

Buộc bà Trương Xuân D phải trả cho ông (bà)Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L trả 88.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các Ng đơn Nguyễn Văn Th, Lê Thị Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L về việc "*Đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng góp hụi* " với bà Trương Xuân D đối với số tiền 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

3/Về án phí: Buộc bà Trương Xuân D phải nộp 4.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Hữu L 4.875.000 đồng theo biên lai số 0003901 ngày 21/11/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yêt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mộng Thúy**

***Nơi nhận:***
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.